

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ  
TỈNH QUẢNG TRỊ

Bản án số: 01/2025/ST-HNGĐ  
Ngày 15-01-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Huy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Công Hiến;
- Bà Võ Thị Trúc Mai

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Chi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Khánh L - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị (Địa chỉ: Số D- L, thành phố Đ), Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 227/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị Thùy G, sinh năm: 1994;

Địa chỉ: Khu phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt tại phiên tòa.

**- Bị đơn:** Anh Dương Tùng L1, sinh năm: 1989;

Địa chỉ: Khu phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**[1]** Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 11 năm 2024, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hoàng Thị Thùy G (Sau đây viết tắt là: chị G), trình bày:

*- Về quan hệ hôn nhân:* Chị G và anh Dương Tùng L1 (Sau đây viết tắt là: anh L1) kết hôn trên cơ sở tự nguyện của hai bên, đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 8 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Sau ngày cưới, vợ chồng chị G, anh L1 sống hạnh phúc đến ngày 30 tháng 5 năm 2024, thì mâu thuẫn

phát sinh. Nguyên nhân: Do tính tình không hợp (anh L1 đi làm cả ngày, không quan tâm đến vợ con, không lo lắng công việc trong gia đình); Chị G đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả nên từ tháng 9 năm 2024 đến nay, chị G với anh L1 không còn sống chung, hai bên bỏ mặc nhau mỗi bên tự lo toan cuộc sống của mình. Chị G xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh L1.

- Về con chung: Vợ chồng chị G, có 03 con chung là: Cháu Dương Khánh N, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2015; cháu Dương Gia K, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2018 và cháu Dương Hoàng N1, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2021.

Ly hôn, chị G có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Dương Hoàng N1, giao cho anh L1 quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Dương Khánh N và Dương Gia K, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh L1 không đồng ý thì chị G có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 cháu (Dương Khánh N ; Dương Gia K và Dương Hoàng N1), không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Bị đơn (Anh Dương Tùng L1): Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L1 không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị G, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai.

[3] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

3.1. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký:

Trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

3.2. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị G và anh L1 là hợp pháp; mâu thuẫn vợ chồng chị G, anh L1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không có khả năng cải thiện, việc anh L1 không tham gia các phiên hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa đã thể hiện sự bỏ mặc tình trạng hôn nhân nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G.

- Về con chung: Anh L1 vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết con chung theo nguyện vọng của chị G.

- Về tài sản chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị G chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[I] Về tố tụng:**

(1) *Quan hệ tranh chấp*: Chị G yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh L1 và giải quyết vấn đề con chung. Đối với tài sản chung, chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: Quan hệ tranh chấp giữa chị G và anh L1 trong vụ án này là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

(2) *Thẩm quyền giải quyết*: Anh L1 là bị đơn trong vụ án, hiện đang cư trú tại phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Như vậy, Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị thụ lý, giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của chị G là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

(3) *Xét xử vắng mặt bị đơn*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật đến lần thứ hai nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn.

#### **[II] Về nội dung:**

##### *(1) Về quan hệ hôn nhân:*

- Chị G và anh L1 đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 8 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị trên cơ sở tình yêu tự nguyện của hai bên. Do đó, hôn nhân giữa chị G và anh L1 là hợp pháp.

- Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, có căn cứ để xác định:

Mâu thuẫn vợ chồng chị G, anh L1 phát sinh từ tháng 05 năm 2024, nguyên nhân do tính tình không hợp; Chị G và anh L1 không còn sống chung, bỏ mặc nhau từ tháng 9 năm 2024 đến nay. Tòa án đã kiên trì hòa giải để hai bên trở lại đoàn tụ nhưng anh L1 không đến tham gia các phiên hòa giải và 02 lần vắng mặt tại phiên tòa đã thể hiện sự bỏ mặc tình trạng hôn nhân nên có đủ cơ sở, xác định: Tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị G, anh L1 đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G.

(2) *Về con chung*: Tại phiên tòa, chị G có nguyện vọng được giao quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 cháu (Cháu Dương Khánh N, Dương Gia K, Dương

Hoàng N1) và đã chứng minh Chị có đủ các điều kiện cơ bản khi được giao quyền nuôi con, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con. Anh L1 vắng mặt tại phiên tòa nên chấp nhận yêu cầu giải quyết con chung của chị G.

Chị G không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

(3) *Về tài sản chung*: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[III]** Về án phí: Chị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTWQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Thùy G.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thùy G được ly hôn anh Dương Tùng L1.

*Giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận kết hôn số 51, Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 25 tháng 8 năm 2014, chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.*

**2.** Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị Thùy G quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Dương Khánh N, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2015; cháu Dương Gia K, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2018 và cháu Dương Hoàng N1, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2021.

Anh Dương Tùng L1 không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Dương Tùng L1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh L1 thực hiện quyền này.

**3.** Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**4.** Về án phí: Buộc chị Hoàng Thị Thùy G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000 đồng, theo biên lai số 0000568 ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Đông Hà. (Chị G đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm).

**5. Về quyền kháng cáo:**

Chị Hoàng Thị Thùy G có quyền kháng bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 15 tháng 01 năm 2025.

Anh Dương Tùng L1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Đông Hà;
- Chi cục THADS T.P Đông Hà;
- UBND Phường Đông Lễ, TP Đông Hà;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Q.Trị;
- Lưu: Hồ sơ, Tập án.

**Trần Quốc Huy**